

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT

Ngày : 03/01/2024

v/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con, tài  
sản chung.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tiên Dũng.

*Các thẩm phán:*

1. Bà Mai Vân Anh

2. Ông Trương Thành Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Việt Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:** Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 175/2023/TLPT-HNGĐ ngày 16/11/2023 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2023/QĐ-PT ngày 22/12/2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị N.T.L - sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ số 1722 N02 Ecohome 3, Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh N.Đ.H - sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Cụm 1, xã Liên Trung, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 7, phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đ.P, TP. Hà Nội.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị N.T.L trình bày:*

Chị và anh N.Đ.H đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 2 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Liên Trung, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh H tại Liên Trung làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con cái, cuộc sống không có sự chia sẻ. Năm 2020 anh chị sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh H có đến thăm mẹ con chị L nhưng không quan tâm mà còn đập phá đồ đạc. Anh chị đã được gia đình hai bên phân tích, động viên nhưng không hoà giải được. Nay chị L xác định tình cảm không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Nguyễn Thảo Minh, sinh ngày 5/5/2013. Hai con đang ở cùng với chị L. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung: Anh chị có tài sản chung là căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3, diện tích sàn 67,4m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N.Đ.H và chị N.T.L ngày 10/02/2022. Chị L có nguyện vọng được sở hữu căn hộ trên và thanh toán giá trị chênh lệch cho anh N.Đ.H.

Về nợ chung: Anh chị có 01 khoản nợ chung là 400.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P. Tính đến ngày 08/02/2023 anh chị còn nợ Ngân hàng số tiền là 257.713.000 đồng, trong đó nợ gốc là 256.900.000 đồng, nợ lãi là 813.000 đồng. Anh H đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên chị L đồng ý thanh toán một nửa số nợ chung cho anh H là 128.856.000 đồng.

Ngoài các nội dung trình bày trên chị không trình bày thêm vấn đề gì khác.

*Tại bản tự khai và các lời khai tại Toà án, anh N.Đ.H trình bày:*

Về tình cảm: Anh H hoàn toàn nhất trí với lời khai của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh H và chị L xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do áp lực về công việc và kinh tế, vợ chồng không có sự chia sẻ, thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn về việc nuôi dạy con chung. Anh chị đã nhiều lần thoả thuận về việc ly hôn và được gia đình hai bên hoà giải nhưng không được. Tại bản tự khai và một số buổi hoà giải tại Toà án anh H đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của chị L. Tuy nhiên nay vì các con anh H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Nguyễn Thảo Minh, sinh ngày 5/5/2013. Hai con đang ở cùng với chị L. Nếu phải ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thảo

Minh, đề nghị giao cháu Nguyễn Thảo Nguyên cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và công sức đóng góp, phát triển vào khối tài sản chung: Anh chị có tài sản chung là căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3, diện tích sàn 67,4m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh N.Đ.H và chị N.T.L ngày 10/02/2022. Nếu phải ly hôn anh H có nguyện vọng được sở hữu căn hộ trên và thanh toán giá trị chênh lệch cho chị L là 612.543.500 đồng.

Ngoài ra anh H còn đề nghị chia công sức đóng góp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 281, tờ bản đồ số 32 tại thôn Bồng Lai, xã Hồng Hà, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội; diện tích 133,6 m<sup>2</sup>, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ.P, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 976120 ngày 22/8/2013 đứng tên ông Nguyễn Doãn Tỵ và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 196,194, tờ bản đồ số 6 Đại Cát tại TDP Đại Cát 3, phường Liên Mạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội; diện tích 163,3 m<sup>2</sup>, đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 835546 ngày 13/11/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị Hiếu. Ngày 22/8/2023 anh N.Đ.H có đơn đề nghị xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với 02 thửa đất trên.

Về nợ chung: Anh chị có 01 khoản nợ chung là 400.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P. Tính đến ngày 08/02/2023 anh chị còn nợ Ngân hàng số tiền là 257.713.000 đồng, trong đó nợ gốc là 256.900.000 đồng, nợ lãi là 813.000 đồng. Anh H đã trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

*Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, Người liên quan có yêu cầu độc lập:*  
*Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P – ông Tô Kim Trung trình bày:* Ngày 15/7/2019 anh N.Đ.H có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P số tiền 400.000.000 đồng. Tạm tính đến ngày 8/2/2023 anh H, chị L còn nợ lại Ngân hàng số tiền 257.713.000 đồng, trong đó nợ gốc là 256.900.000 đồng, nợ lãi là 813.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh N.Đ.H đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên ngày 21/2/2023 Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P có đơn xin rút yêu cầu độc lập đối với anh N.Đ.H và chị N.T.L.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.Đ.H. Về con chung chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung chị đề nghị giao căn hộ cho chị sở hữu, chị L có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch cho anh H. Về nợ chung: chị L sẽ thanh toán cho anh H một nửa số tiền nợ chung là 128.856.000 đồng.

- Bị đơn anh N.Đ.H: không đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của chị L và xin đoàn tụ. Về con chung: nếu phải ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh H có

nguyện vọng được sở hữu căn hộ và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho chị L. Về nợ chung: Không yêu cầu chị L thanh toán  $\frac{1}{2}$  số tiền đã trả cho Ngân hàng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.P quyết định:

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị N.T.L. Chị N.T.L được ly hôn với anh N.Đ.H.**

**2. Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Nguyễn Thảo Minh, sinh ngày 5/5/2013. Giao cả hai cháu Nguyễn Thảo Nguyên và Nguyễn Thảo Minh cho chị N.T.L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N.Đ.H cho đến khi chị N.T.L yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh N.Đ.H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:**

Anh chị có 01 tài sản chung là căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3 tại phường Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 67,4m<sup>2</sup> đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DE 689395 ngày 10/2/2022 đứng tên ông N.Đ.H và bà N.T.L. Tổng giá trị tài sản là **1.482.800.000 đồng** (*Một tỷ bốn trăm tám hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Chia cho anh N.Đ.H được sở hữu, sử dụng toàn bộ căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3 tại phường Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội.

- Anh N.Đ.H phải thanh toán cho chị N.T.L số tiền là: **741.400.000 đồng** (*Bảy trăm bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

**4. Về nợ chung:** Anh chị có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P theo Hợp đồng số 02/N.Đ.H/2019/HĐBB ngày 15/7/2019, số tiền là 400.000.000 đồng. Tạm tính đến ngày 8/2/2023 anh H, chị L còn nợ lại Ngân hàng số tiền 257.713.000 đồng, trong đó nợ gốc là 256.900.000 đồng, nợ lãi là 813.000 đồng. Anh N.Đ.H đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đồng thời không yêu cầu chị L phải thanh toán  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

**5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P đối với anh N.Đ.H và chị N.T.L.**

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2023, anh N.Đ.H có đơn kháng cáo do không đồng ý ly hôn. Nếu phải ly hôn thì xin được nuôi hai con và không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 22/9/2023, chị N.T.L kháng cáo bản án do không nhất trí với việc Tòa án giao căn hộ 1722 N02- Ecohome 3 cho anh N.Đ.H quản lý, chị đề nghị được sở hữu căn hộ này.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh N.Đ.H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn chị N.T.L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Anh H không yêu cầu chị L thanh toán ½ nợ chung số tiền anh đã trả Ngân hàng. Chị L cũng không tự nguyện thanh toán cho anh H một nửa số tiền nợ chung mà anh H đã trả.*

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:** Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán và HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đương sự đã thực hiện tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Chị L, anh H làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giao chị L được sở hữu căn hộ 1722 N02- Ecohome 3 tại phường Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội và phải thanh toán cho anh N.Đ.H số tiền tương ứng với ½ giá trị căn hộ là: **741.400.000 đồng.**

Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.P.

*Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] **Thủ tục:** Chị L, anh H làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] **Nội dung:** Xét kháng cáo của chị L, anh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N.T.L và anh N.Đ.H đăng ký kết hôn ngày 02/2/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Trung, huyện Đ.P, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Do đó, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cách nuôi dạy con chung nên hay xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Gia đình hai bên đã động viên, hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã phân tích, giải thích và hoà giải cho vợ chồng để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L cương quyết ly hôn với anh H. Tại Đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh H xin đoàn tụ với lý do để

cùng nhau chăm sóc con cái mà anh không đưa ra được biện pháp cụ thể để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm gia đình, mặt khác chị L cương quyết xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị N.T.L được ly hôn với anh N.Đ.H là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Nguyễn Thảo Minh, sinh ngày 5/5/2013. HĐXX nhận thấy kể từ khi hai vợ chồng ly thân cả hai con đều ở cùng chị L, đồng thời tại biên bản lấy lời khai của các con, cả hai con đều có nguyện vọng được ở cùng với chị L. Vì vậy, để tránh làm xáo trộn cuộc sống, học tập và tâm lý của các cháu cần giao cháu Nguyễn Thảo Nguyên và cháu Nguyễn Thảo Minh cho chị N.T.L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản nhà ở chung: Anh chị có 01 tài sản chung là căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3 tại phường Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 67,4m<sup>2</sup> đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DE 689395 ngày 10/2/2022 đứng tên ông N.Đ.H và bà N.T.L.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 6/1/2023 tổng giá trị tài sản là **1.482.800.000 đồng** (*Một tỷ bốn trăm tám hai triệu tám trăm nghìn đồng*). Đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân và là tài sản chung của anh H, chị L nên mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản tương ứng với số tiền là 741.400.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Xét yêu cầu kháng cáo của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh H, chị L vay Ngân hàng tiền để mua căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3 tại phường Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội. Năm 2022 chị L và anh H có văn bản cam kết trong đó có nội dung anh khước từ tất cả những quyền lợi của anh đối với căn hộ trên nhưng theo anh H lý do anh cam kết như vậy vì thời gian đó vợ chồng mâu thuẫn nên anh cam kết như vậy để níu kéo cuộc sống chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết tại Toà án nhân dân huyện Đ.P, ngày 08/02/2023 Toà án đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành về việc anh H, chị L thống nhất ly hôn, nuôi con và tài sản trong đó anh, chị thoả thuận giao cho anh H sở hữu căn hộ và anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị L số tiền 612.543.500 đồng và trả toàn bộ số nợ 257.713.000 đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P. Tuy nhiên, trong thời hạn pháp luật quy định, chị L đã thay đổi ý kiến thoả thuận trên về tài sản không nhất trí giao căn hộ cho anh H sở hữu. Quá trình giải quyết vụ án anh H là người đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng

và không yêu cầu chị L thanh toán ½ số tiền nợ chung. Mặt khác, chị L đã thuê nhà ở nơi khác sống cùng hai con. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc giao căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3 tại phường Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội cho anh N.Đ.H và anh H phải thanh toán cho chị N.T.L ½ giá trị căn hộ bằng tiền là **741.400.000 đồng** (*Bảy trăm bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*) là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị L.

Đối với yêu cầu chia công sức đóng góp của anh H là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên ông Nguyễn Doãn Ty và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Nguyễn Thị Hiếu. Tuy nhiên, ngày 22/8/2023 anh N.Đ.H có đơn đề nghị xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với 02 thửa đất trên, Toà án cũng đã lấy lời khai về việc anh H xin rút yêu cầu chia công sức đóng góp đối với 02 khối tài sản trên nên Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[2.4]. Về nợ chung: Anh N.Đ.H và chị N.T.L có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P theo Hợp đồng số 02/N.Đ.H/2019/HĐBB ngày 15/7/2019, số tiền là 400.000.000 đồng. Anh N.Đ.H đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đồng thời không yêu cầu chị L phải thanh toán ½ số nợ chung. Ngày 21/2/2023 Ngân hàng đã rút yêu cầu chia nợ chung đối với anh H, chị L. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P đối với anh N.Đ.H và chị N.T.L là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị L và anh H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Đ.P.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của chị L, anh H nên anh chị phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, Điều 38, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Xử:** Không chấp nhận kháng cáo của chị N.T.L và anh N.Đ.H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.P. Cụ thể:

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị N.T.L. Cho chị N.T.L được ly hôn với anh N.Đ.H.**

**2. Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Nguyễn Thảo Minh, sinh ngày 5/5/2013. Giao cả hai cháu Nguyễn Thảo Nguyên và Nguyễn Thảo Minh cho chị N.T.L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N.Đ.H cho đến khi chị N.T.L yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh N.Đ.H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:**

Anh chị có 01 tài sản chung là căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3 tại phường Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội, diện tích sàn 67,4m<sup>2</sup> đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DE 689395 ngày 10/2/2022 đứng tên ông N.Đ.H và bà N.T.L. Tổng giá trị tài sản là **1.482.800.000 đồng** (Một tỷ bốn trăm tám hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Chia cho anh N.Đ.H được sở hữu, sử dụng toàn bộ căn hộ số 1722, Toà nhà N02, khu nhà ở xã hội Ecohome 3 tại phường Đông Ngạc, quận B.T.L, thành phố Hà Nội.

- Anh N.Đ.H phải thanh toán cho chị N.T.L số tiền là: **741.400.000 đồng** (Bảy trăm bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

**4. Về nợ chung:** Anh chị có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P theo Hợp đồng số 02/N.Đ.H/2019/HĐBB ngày 15/7/2019, số tiền là 400.000.000 đồng. Tạm tính đến ngày 8/2/2023 anh H, chị L còn nợ lại Ngân hàng số tiền 257.713.000 đồng, trong đó nợ gốc là 256.900.000 đồng, nợ lãi là 813.000 đồng. Anh N.Đ.H đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đồng thời không yêu cầu chị L phải thanh toán ½ số tiền nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

**5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.P đối với anh N.Đ.H và chị N.T.L.**

**6. Về án phí:**

Chị N.T.L phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và **33.656.000 đồng** (Ba mươi ba triệu sáu trăm lăm sáu nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, được trừ **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0002931 ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.P. Chị L còn phải nộp số tiền **33.656.000 đồng** (Ba mươi ba triệu sáu trăm lăm sáu nghìn đồng).

Anh N.Đ.H phải chịu **33.656.000 đồng** (Ba mươi ba triệu sáu trăm lăm sáu nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền **14.625.000 đồng** (Mười bốn triệu sáu trăm hai lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0003109 ngày 24/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.P.



Anh H còn phải nộp số tiền là **19.031.000 đồng** (*Mười chín triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng*).

Anh N.Đ.H và chị N.T.L mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị L, anh H mỗi người đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003305 ngày 02/10/2023 và Biên lai số AA/2020/0003300 ngày 22/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

1. TAND huyện Đ.P;
2. VKSND TP Hà Nội;
3. Chi cục THA huyện Đ.P;
4. Các đương sự;
5. Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Mai Tiến Dũng***